| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 63/2021/HS-ST
Ngày 30-11-2021

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Chìu và ông Nguyễn Thanh Hải

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Khắc Đạo- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2021/HSST ngày 27-10-2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 04/2021/TB-TA, ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 09/2021/TB-TA, ngày 24 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

**1. Trần Văn T**, sinh năm 1989; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn Đ, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn C và bà Nguyễn Thị L, có vợ là Phan Thị Bích N.

- Tiền án, tiền sự: không;

- Nhân Thân:

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2015/HSST ngày 21/4/2015 của TAND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2015/HSST ngày 04/8/2015 của TAND huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt 10 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt của bản án số 14/2015/HSST ngày 21/4/2015 của TAND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, buộc Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 25 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/12/2016.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2017/HSST ngày 30/6/2017 của TAND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xử phạt 28 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất

ma tuý". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/4/2019, chấp hành xong khoản tiền án phí ngày 31/8/2017.

+ Ngày 25/11/2019 bị Công an huyện Tứ Kỳ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, đã nộp phạt ngày 26/11/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/8/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay, có mặt.

**2. Nguyễn Đức H**, sinh năm 1993; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn T, xã T, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị N; gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân:

+ Bản án số hình sự sơ thẩm số 35/2012 ngày 28/8/2012 của TAND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xử phạt 13 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đã chấp hành xong bản án.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2014 ngày 17/01/2014 của TAND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đã chấp hành xong bản án.

+ Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2016 ngày 29/4/2016 của TAND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xử phạt 27 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong bản án và đã được xoá án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/8/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay, có mặt.

- *Bị hại:* + Anh Trần Văn L, sinh năm 1988 và chị Nguyễn Thị Á, sinh năm 1992; Đều trú tại: thôn Đ, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 và chị Phạm Thị Ả, sinh năm 1970; Đều trú tại: thôn H, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Phan Thị Bích N, sinh năm 1988, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T và Nguyễn Đức H là bạn quen biết nhau từ trước. Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên vào các ngày 14/6/2021 và ngày 24/7/2021, T và H đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 14/6/2021, Trần Văn T rủ Nguyễn Đức H đến cửa hàng vật liệu xây dựng "Lý Ánh" của vợ chồng anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị Á ở thôn Đ, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương trộm cắp tài sản, H đồng ý. T điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius (không nhớ biển số xe) của T chở H đến cửa hàng vật liệu "Lý Ánh". Khi đến nơi, T dừng xe đứng

cách cửa hàng khoảng 30cm, còn H đi bộ về phía cửa hàng. H dùng tay kéo xe tự chế dạng xe ba gác được làm bằng kim loại dựng trước cửa hàng ra ngoài rồi ngồi lên xe mô tô của T đứng đợi, T điều khiển xe mô tô, H ngồi sau dùng hai tay kéo xe sang khu vực huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng để bán. Khi đến khu vực huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng, T dừng xe, H đứng đợi ngoài đường, còn T kéo chiếc xe tự chế vào khu vực dân cư bán cho một người đàn ông (không rõ tên tuổi, địa chỉ) được 1.000.000 đồng, số tiền này, T và H đã tiêu sài cá nhân hết. Ngày 15/6/2021, anh Trần Văn L đã có đơn trình báo Công an huyện Tứ Kỳ.

Vụ thứ hai: Ngày 20/7/2021, Nguyễn Đức H đến nhà của Trần Văn T chơi, sau đó ăn ngủ ở nhà T. Tối ngày 23/7/2021, T rủ H đi trộm cắp cây cảnh, H đồng ý. Khoảng 03 giờ ngày 24/7/2021, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream (xe máy T mượn của người bạn tên Dương ở tỉnh Thái Bình) chở H đến trước khu vực cổng nhà anh Nguyễn Văn T ở thôn H, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Khi đến nơi thấy nhà anh T khoá cổng, khoá cửa, trong sân có để nhiều cây cảnh, T đừng ngoài cảnh giới, H trèo tường vào nhà anh T. H vào đến sân quan sát và lấy được hai cây cảnh gồm 01 cây Sanh và 01 cây Dành Dành, dạng cây bon sai nhỏ được trồng trong chậu sứ mang ra chỗ T đứng. Sau đó T chở H ngồi sau bê 02 cây cảnh về nhà T cất giấu tại góc vườn. Ngày 24/7/2021, anh Nguyễn Văn T có đơn trình báo. Ngày 06/8/2021, chị Phan Thị Bích N (vợ T) tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT 02 cây cảnh mà trước đó T, H đã trộm cắp được.

Tại kết luận định giá tài sản số 37/KL-ĐGTS ngày 12/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự- UBND huyện Tứ Kỳ kết luận: 01 cây Dành Dành, dạng cây Bon sai, được trồng trong chậu sứ men, màu xanh, KT (20x20x14,5cm). Thời điểm ngày 24/7/2021 tài sản có giá trị 2.500.000 đồng; 01 cây Sanh, dạng Bon sai, được trồng trong chậu sứ men, màu trắng, KT (22x14cm), thời điểm ngày 24/7/2021 tài sản có giá trị 800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 3.300.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 40/KL-ĐGTS ngày 27/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự- UBND huyện Tứ Kỳ kết luận: 01 chiếc xe tự chế, dạng xe ba gác kéo, được làm bằng kim loại (sắt), ống kẽm, xe có 02 bánh. Thời điểm ngày 15/6/2021, tài sản có giá trị 3.500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 66/CT-VKSTK ngày 27-10-2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ truy tố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Đức H về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS).

*Tại phiên toà*: VKSND huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các điều 17, 58; Điều 38 BLHS đối với các bị cáo. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Đức H phạm tội "Trộm cắp tài sản"; xử phạt Trần Văn T từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam; xử phạt Nguyễn Đức H từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng không phải giải quyết; về biện pháp tư pháp: Tịch thu số tiền bị cáo T bán xe máy

500.000 đồng (do sử dụng xe máy làm phương tiện đi trộm cắp tài sản) nộp vào ngân sách Nhà nước; các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố và luận tội của VKSND huyện Tứ Kỳ đối với các bị cáo là đúng và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn T, chị Phạm Thị Ả đều đề nghị giải quyết vắng mặt, xác nhận đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt; vợ chồng anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị Á đề nghị giải quyết vắng mặt, xác nhận các bị cáo đã tự nguyện bồi thường giá trị tài sản chiếm đoạt. Các bị hại đều không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì về trách nhiệm dân sự; Về trách nhiệm hình sự đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo;

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo trong giai đoạn điều tra phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng đêm tối và sơ hở trong việc quản lý tài sản; khoảng 0 giờ 05 phút ngày 15/6/2021, tại cửa hàng vật liệu của gia đình anh Trần Văn L ở thôn Đ, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, Trần Văn T và Nguyễn Đức H đã lén lút trộm cắp 01 chiếc xe ba gác tự chế làm bằng kim loại trị giá 3.500.000 đồng; tiếp đến khoảng hơn 3 giờ ngày 24/7/2021 tại nhà anh Nguyễn Văn T ở thôn H, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, Trần Văn T và Nguyễn Đức H đã lén lút trộm cắp 01 cây Sanh, 01 cây Dành Dành đều là dạng cây Bon sai, giá trị 3.300.000 đồng. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật, nhưng do bản chất ham chơi, lười lao động vẫn cố ý thực hiện, các tài sản mà các bị cáo trộm cắp có tổng giá trị là 6.800.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Như vậy, quyết định truy tố của VKSND huyện Tứ Kỳ đối với các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, cần phải được xử lý theo quy định pháp luật.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tuy không có sự câu kết chặt chẽ, nhưng cũng cần đánh giá vai trò của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp, thấy rằng: Trong hai lần đi trộm cắp, thì Trần Văn T đều là người khởi xướng, rủ H đi

trộm cắp, đồng thời là người dùng xe máy chở H đi, đứng ở ngoài cảnh giới nên T giữ vai trò chính trong vụ án. Nguyễn Đức H là người trực tiếp thực hiện việc trộm cắp, cùng T mang đi tiêu thụ và cất giấu nên H giữ vai trò đồng phạm là người thực hành.

[5] Xét tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, điều kiện nhân thân của các bị cáo thấy rằng: Trong hai ngày, các bị cáo đều thực hiện hai lần trộm cắp tài sản mà mỗi hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội hai lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Ngoài ra, cả hai bị cáo đều đã nhiều lần bị kết án, bị cáo T còn bị xử lý hành chính, tuy đã các bị cáo đều đã chấp hành xong các bản án, bị cáo T đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính và được xác định chưa có tiền án, tiền sự nhưng điều đó chứng tỏ các bị cáo là người có nhân thân xấu, coi thường kỷ cương, pháp luật.

[6] Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã bồi thường cho vợ chồng anh L, chị Ánh, các bị hại đều xin giảm nhẹ cho các bị cáo, do đó các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS. HĐXX sẽ xem xét, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, nhưng căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo vẫn cần thiết buộc T và H phải cách ly xã hội một thời gian để chấp hành hình phạt tù mới đủ tác dụng giáo dục riêng các bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường giá trị chiếc xe ba gác tự chế vợ chồng anh L, chị Ánh; vợ chồng anh T, chị Ả đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và đều không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì về dân sự, do vậy HĐXX không đặt ra giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 cảnh, gồm: 01 cây Sanh và 01 cây Dành Dành, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ đã trả lại cho gia đình anh T; đối với chiếc xe ba gác tự chế các bị cáo đã bán cho người không quen biết, không thu hồi được nên không đặt ra xử lý.

[10] Về biện pháp tư pháp: Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius mà T và H sử dụng đi trộm cắp tài sản tại gia đình anh L, chị Ánh là xe của T. T xác định mua chiếc xe máy trên của một người không quen biết, không biết địa chỉ, tên tuổi, sau đó T đã bán chiếc xe máy trên cho một người không quen biết với giá 500.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Đây là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, vì vậy, HĐXX cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Đối với chiếc xe máy Honda Dream các bị cáo sử dụng đi trộm cắp tài sản của vợ chồng anh T là xe do T mượn của người bạn tên D (ở tỉnh Thái Bình) không rõ địa chỉ, sau đó T đã trả chiếc xe trên, nên không đặt ra giải quyết.

[11] Chị Phan Thị Bích N (vợ T) không biết nguồn gốc 02 cây cảnh mà các bị cáo phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm.

[12] Về án phí: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS.

**1. Tuyên bố:** Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Đức H phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn T 12** (*Mười hai*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/8/2021.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đức H 09** (*Chín*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/8/2021.

**2. Về biện pháp tư pháp:** Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS. Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 đồng của Trần Văn T (bị cáo chưa nộp số tiền trên).

**3. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Toà án. Bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Đức H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**4**. **Về quyền kháng cáo**: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan THA hình sự- CA huyện Tứ Kỳ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; bị hại;
- Cơ quan CSĐT, Bộ phận hồ sơ NVCS- Công an huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**
***(Đã ký)***

**Nguyễn Văn Quân**